TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM** Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST Ngày: 28-02-2022 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đông
2. Ông Nguyễn Hữu Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Hòa H, xã Tam Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1998, địa chỉ: Số 01 Chu Văn An, thị trấn Núi Th, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N, vắng mặt (có luận cứ và đề nghị giải Q vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Hòa H, xã Tam Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, ông Lê Văn B trình bày:

Ông và bà Q tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 01-6-1988. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc gia đình không có, trước đây khi còn trẻ, có lần ông đánh bà Q. Sau khi sinh con thì vợ

chồng sống ly thân từ trước đến nay, đã mấy chục năm không chung sống. Nay ông không còn tình cảm với bà Q nên yêu cầu Tòa án giải Q cho ông được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lê Thị Minh Tuy, sinh ngày 01-01-1988 và Lê Văn Tý, sinh ngày 01-01-1990. Các con đã thành niên, đều khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Về điều kiện kết hôn giữa ông B và bà, bà thống nhất như ông B trình bày là đúng, bà không thay đổi, bổ sung gì thêm. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên sau khi bà sinh người con thứ hai thì ông B đi theo người khác, không quan tâm gì đến mẹ con bà. Một mình bà phải vất vả làm ăn, kiếm sống vô cùng cực khổ để nuôi hai con khôn lớn. Giữa ông B với bà đã không chung sống cách nay hơn 30 năm, phần ai người nấy sống, không quan tâm, không có tình cảm gì với nhau. Tuy nhiên, nay ông B xin ly hôn nhưng bà không đồng ý vì bà yêu cầu ông B phải có trách nhiệm với các con của bà để các cháu có vốn làm ăn, sửa chữa nhà cửa. Hiện nay các con của bà đều khỏe mạnh, có gia đình riêng.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lê Thị Minh Tuy, sinh ngày 01-01-1988 và Lê Văn Tý, sinh ngày 01-01-1990. Các con đã thành niên, đều khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông B không có tài sản chung. Tuy nhiên, ông B đã nhận tài sản thừa kế riêng từ gia đình ông là nhà, đất và vừa rồi ông có bán nhà, đất nên bà yêu cầu ông B cho hai con bà mỗi cháu là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để các con có vốn làm ăn, sửa chữa nhà cửa.

- Tại luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bà Trần Thị Thùy Dân trình bày: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giải Q cho ông B và bà Q được ly hôn với nhau. Về con chung: Hai con chung đã đủ tuổi thành niên và đã lập gia đình nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải Q. Về tài sản chung: không có. Thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Thôn Hạ Thanh 1, xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là tài sản riêng của ông Lê Văn B. Về nợ chung, cho mượn nợ: không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải Q vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B: Theo đó cho ông B ly hôn với bà Q;

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà Q không yêu cầu giải Q nên không đề nghị giải Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Q tranh chấp về ly hôn. Hiện nay ông B, bà Q có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Q tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (cũ) vào ngày 01-6-1988 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Q thì thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Ông B, bà Q đều thừa nhận vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi kết hôn được vài năm thì không còn tình cảm với nhau. Ông, bà đều thừa nhận đã không chung sống cách nay hơn 30 năm, phần ai người nấy sống, không quan tâm, không có tình cảm gì với nhau. Bà Q không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa bà thừa nhận không còn tình cảm với ông B, ông bà đã không chung sống cùng xây dựng gia đình cách nay hơn 30 năm. Bà Q cũng không có hướng thuyết phục ông B cùng về chung sống. Hơn nữa, bà còn cho rằng bà không đồng ý ly hôn với ông B vì từ trước đến nay ông B không có trách nhiệm với con cái, một mình bà nuôi các con từ nhỏ đến khi các con trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa ông B, bà Q đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông B là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử Q định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B với bà Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông B, bà Q đều thừa nhận vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lê Thị Minh Tuy, sinh ngày 01-01-1988 và Lê Văn Tý, sinh ngày 01-01-1990. Các con đã thành niên, đều khỏe mạnh, không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Ông B, bà Q đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải Q nên không xem xét.

Riêng đối với ý kiến của bà Q cho rằng ông B đã nhận tài sản thừa kế riêng từ gia đình ông là nhà, đất. Ông B có bán nhà, đất nên bà yêu cầu ông B cho hai con bà mỗi cháu là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để các con có vốn làm ăn, sửa chữa nhà cửa. Xét thấy, ý kiến nêu trên của bà Q không được ông B đồng ý, ông B cho rằng việc cho các con Bo nhiêu, như thế nào là tự nguyện ở ông sau này, các bên thừa nhận các con đều đã thành niên, khỏe mạnh, ý kiến của bà Q không liên quan đến các tranh chấp trong vụ án này nên không xem xét, giải Q là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn B tự nguyện nhận chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Q.

2. Về nuôi con chung: Ông B, bà Q không yêu cầu Tòa án giải Q nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà Q không yêu cầu Tòa án giải Q nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn B nhận chịu 300.000 *(B trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(B trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009357 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ông B đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thanh;
- VKSND TP. Tam Kỳ;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Khôi